

Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Trưởng lão Ưu-đà-di bị lửa dục đốt, thân thể tiêu tụy, khí lực tiêu hao, dùng tay xuất bất tịnh mới có được niềm vui an ổn. Có Tỳ-kheo khác cũng bị gây ốm, Ưu-đà-di thấy thế hỏi: Tại sao thầy mất sức nhiều vậy? Tỳ-kheo kia trả lời: Thưa trưởng lão, tôi bị lửa dục thiêu đốt cho nên như thế. Ưu-đà-di nói: Trước đây tôi cũng vậy, dùng tay xuất bất tịnh mới được trụ an lạc. Nếu thầy áp dụng phương pháp của tôi thì cũng sẽ như vậy. Tỳ-kheo kia nói: Thầy làm điều phi pháp, không phải hạnh thanh tịnh, phá pháp của Sa-môn, không hợp chánh đạo. Đức Thế Tôn bằng mọi cách quở trách về dục, tưởng về dục, cảm giác dục, lửa dục và khen người đoạn tưởng dục, trừ cảm giác về dục, diệt lửa dục. Ngài nói lửa dục như xương đỏ, như thuốc độc. Tại sao nay thầy dùng tay để xuất bất tịnh, nhận lấy của tín thí, thậm chí dạy người việc đó? Quở trách rồi, họ cùng dẫn đến trước Phật, trình bày sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ưu-đà-di:

- Thật sự thầy có như vậy không?

Ưu-đà-di thưa:

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

Đức Phật cũng dùng mọi cách quở trách như trên rồi bảo các Tỳ-

kheo:

- Do mười điều lợi, vì các Tỳ-kheo kiệt giới. Từ nay giới này được nói như sau: “**Nếu Tỳ-kheo cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa**”.

Bấy giờ, Tỳ-kheo với tâm không an khi ngủ, mộng tưởng xuất bất tịnh, thức dậy, vấn đề được đặt ra: Ta ở trong mộng cũng có tâm, cũng có động thân, xuất bất tịnh, há không phạm Tăng-già-bà-thi-sa? Do đó có vị phát lồ, có vị hành Ma-na-đỏa, có vị xin xuất tội, có vị bạch thẳng sự việc với Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

- Sự thật các thầy có như vậy không?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Kính bạch Thế Tôn, có thật như vậy!

Đức Phật bằng mọi cách quở trách:

- Các thầy không nên ngủ với tâm tán loạn. Nếu ngủ với tâm tán loạn phạm Đột-kiết-la.

Ngủ với tâm tán loạn có năm điều lỗi lầm:

1. Bị mộng ác.
2. Thiện thân không hộ vệ.
3. Không có được tướng ánh sáng.
4. Không có tâm giác pháp.
5. Xuất bất tịnh.

Ngủ với tâm không tán loạn có năm công đức:

1. Không có mộng ác.
2. Thiện thân hộ vệ.
3. Có tướng ánh sáng.
4. Có tâm giác pháp.
5. Không xuất bất tịnh.

Khi ngủ có năm nhân duyên căn nổi dậy:

1. Đại tiện thôi thúc.
2. Tiểu tiện thôi thúc.
3. Ú hơi.
4. Trùng cắn.
5. Tâm dục thôi thúc.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu chưa lìa dục, ngủ với tâm sân si tán loạn thì chắc chắn bị xuất bất tịnh, tuy chưa có thể lìa dục nhưng ngủ với tâm hệ niệm, vẫn không có những lỗi lầm ấy.

Từ nay giới này được nói như vậy: **“Nếu Tỳ-kheo cố ý xuất bất tịnh, trừ trong chiêm bao, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”**.

Cố ý xuất bất tịnh: Khởi tâm, động thân làm cho bất tịnh xuất.

Tăng-già-bà-thi-sa: Tôi này còn một chút cơ hội có thể cứu chữa được. Cơ hội đó là, giữa Tăng cần cầu để trừ diệt mới được.

Bất tịnh có mười loại:

1. Sắc xanh.
2. Sắc vàng.
3. Sắc hồng.
4. Sắc đen.
5. Sắc đỏ.
6. Sắc trắng.
7. Màu sữa.
8. Màu tô.
9. Màu đầu.
10. Màu mật.

Nếu khởi tâm động thân muốn xuất màu xanh, mà xuất màu vàng

cho đến màu mật đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu khởi tâm động thân muốn xuất màu vàng cho đến màu mật mà xuất các màu khác cũng như vậy.

Có mười loại khởi tâm động thân xuất bất tịnh đều phạm Tăng- già-bà-thi-sa: Một là làm thử, hai là trừ bệnh, ba là vì nhan sắc, bốn là vì sức lực, năm là vì vui, sáu là bố thí, bảy là vì sinh thiên, tám là vì hội tế trời của ngoại đạo, chín là vì chửi tở, mười là vì thờ lửa.

Có năm loại khởi tâm động thân xuất bất tịnh đều phạm Tăng- già-bà-thi-sa:

1. Nội sắc.
2. Ngoại sắc.
3. Hư không.
4. Gió.
5. Nước.

Nội sắc: Là tự nơi thân mình.

Ngoại sắc: Là thân người khác.

Hư không: Động thân giữa hư không.

Gió: Hướng ngược gió để làm.

Nước: Hướng ngược nước để làm.

Lại có năm loại khởi tâm động thân xuất bất tịnh phạm Tăng-già- bà-thi-sa:

1. Đầy đại tiện.
2. Đầy tiểu tiện.
3. Ứ hơi. 4. Trùng cắn.
5. Đầy dục.

Nếu khởi tâm, thân không động, không xuất bất tịnh, khởi tâm thân không động, xuất bất tịnh đều phạm Đột-kiết-la. Khởi tâm, thân động, không xuất bất tịnh, phạm Thâu-lan-giá. Không khởi tâm, thân động, không xuất bất tịnh, không khởi tâm, thân không động, xuất bất tịnh đều không phạm. Khi ngủ xuất bất tịnh, khi thức dậy khởi tâm, thân động phạm Thâu-lan-giá. Khi ngủ thân động, khi thức dậy khởi tâm, xuất bất tịnh phạm Đột-kiết-la. Khi ngủ khởi tâm, khi ngủ dậy thân không động, xuất bất tịnh không phạm. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ nhất.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Trưởng lão Ưu-đà-di bị lửa dục thiêu đốt, nảy ra ý nghĩ: Cố ý xuất bất tịnh, Đức Thế Tôn đã cấm,

nay ta tạo điều kiện cùng người nữ xúc chạm để lấy thú vui nơi sự mềm mại. Ưu-đà-di bèn lau quét trong phòng, trang hoàng giường ghế đẹp, rồi lấy một cái ghế nhỏ ngồi nơi chỗ đất trống. Lúc ấy có các người nữ đến vãng cảnh, nói với Ưu-đà-di: Chúng tôi đến đây muốn xem các phòng xá. Ưu-đà-di đáp: Các chị em cứ xem xét theo ý muốn của mình. Ưu-đà-di liền hướng dẫn họ vào phòng rồi đóng cửa ra vào, mở cửa sổ, bằng nhiều kiểu xúc chạm họ, hoặc nắm, hoặc ôm, hoặc bóp, hoặc xoa, hoặc đưa lên, hoặc để xuống, hoặc cỡi, hoặc cõng. Trong số họ, người thích thì nói: Sao không làm cái việc chánh, làm chỉ những việc phụ như vậy? Ưu-đà-di nói: Đức Phật không cho phép tôi làm cái việc chánh ấy.

Những người không ưa thì giận dữ nói: Xưa nay gọi chỗ này là nơi an ổn, giờ ngược lại thành chỗ đáng ghê sợ, lửa bốc cháy trong nước chưa đủ để so sánh điều quái gỡ này, kẻ cư sĩ ở tại nhà còn xấu hổ khi làm việc này, tại sao Tỳ-kheo lại làm điều ác như thế.

Họ liền trở về nhà, từng người một nêu bày chê bai. Những người thiếu lòng tin không ưa Phật pháp tha hồ trách cứ, mạ lị: Chúng ta là cư sĩ xúc chạm với đàn bà, Sa-môn Thích tử cũng làm như vậy, thế thì uống phí cái đầu được cạo đi, thế họ với ta khác gì nào? Họ không có hạnh của bậc Sa-môn, họ phá pháp Sa-môn, tiếng xấu như vậy đồn khắp thiên hạ. Lại có một Bà-la-môn dẫn vợ đi vãng cảnh, lần lượt họ đến phòng của Ưu-đà-di, nói: Vợ chồng chúng tôi muốn vào xem phòng xá. Ưu-đà-di nói: Không được cùng một lúc hai người vào, có thể người trước kẻ sau. Bà-la-môn nói: Nếu không được vào một lượt thì để vợ tôi vào trước. Người vợ vào phòng, Ưu-đà-di cũng lại làm bao nhiêu trò xúc chạm như trước. Kéo dài lâu lắm người phụ nữ mới ra khỏi phòng. Người chồng hỏi vợ: Chứ làm chuyện gì mà lâu thế, không muốn đi xem các phòng khác hay sao? Bà vợ nói: Thôi! Thôi! Đừng nói điều đó nữa, chỉ vào một phòng mà gần muốn chết mới ra được đây, xem các phòng khác lại phải chịu nỗi như thế sao?! Người chồng hỏi lý do, người vợ trình bày đúng sự thật. Ngay khi ấy, người Bà-la-môn liền trách mắng: Cái nghiệp ác ấy, tại sao Sa-môn Thích tử lại làm như thế? Ông ta vào thành Xá-vệ, nơi ngã tư đường, chỗ chợ búa xóm làng, tận hang cùng ngõ hẻm, cao giọng lớn tiếng rêu rao: “Sa-môn Thích tử đã xúc chạm bậy bạ với vợ tôi”. Những người không có lòng tin đối với Phật pháp tha hồ mắng nhiếc Sa-môn Thích tử làm hạnh ác như thế, tại sao tự xưng là tịnh tu phạm hạnh? Các Tỳ-

kheo Trưởng lão nghe bèn quở trách đủ thứ, rồi trình bày đầy đủ mọi sự việc lên Đức Phật. Nhân việc

này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ưu-đà-di:

- Thật sự ông có làm như vậy không?

Ưu-đà-di thưa:

- Bạch Thế Tôn, có sự thật như vậy.

Đức Phật bằng sự nghiêm khắc quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: **“Nếu Tỳ-kheo do lòng dục thôi thúc làm biến dạng tâm, xúc chạm thân người nữ, hoặc nắm tay, hoặc vuốt tóc, hoặc nắm bất cứ ở đâu trên phần thân họ, xoa rờ, tham đắm sự mềm mại, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”**.

Lòng dục thôi thúc làm biến dạng tâm: Tức là hướng về tâm dục, khởi tâm mạnh, sự việc mới được hình thành, biến pháp thiện, pháp vô ký, rơi vào chỗ bất thiện.

Người nữ: Là người đàn bà kể cả trẻ mới sinh.

Xúc chạm: Bất cứ chỗ nào trên thân, bằng mọi cách xoa rờ, cho đến chỉ một sợi tóc. Có năm trường hợp, Tỳ-kheo xúc chạm thân người nữ phạm Tăng-già-bà-thi-sa: người nữ, tưởng người nữ, người sống theo kiểu nữ, người tâm nhiễm nữ, do tình gần gũi xoa rờ xúc chạm có cảm giác và thọ nhận cho đến xúc chạm nơi tóc cũng như vậy. Năm việc xúc chạm người nữ phạm Thâu-lan-giá: người nữ, tưởng là người nữ, người sống theo kiểu nữ, không do tình gần gũi xoa rờ xúc chạm có cảm giác và thọ nhận, cho đến xúc chạm nơi tóc cũng như vậy. Người nữ xúc chạm Tỳ-kheo cũng như thế. Năm việc xúc chạm người nữ không phạm: người nữ, tưởng là người nữ, người sống theo kiểu nữ, người tâm nhiễm nữ, không do tình thân cận, các người nữ này nắm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tạo phương tiện để thoát, tuy có cảm giác, có xúc chạm mà không thọ nhận, cho đến xúc chạm nơi tóc cũng như vậy. Lại, người nữ, tưởng là người nữ, nghi người nữ, người nữ không căn, người nữ tưởng, tưởng nhị căn, xúc chạm phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Người nữ tưởng là nam, nữ tưởng là huỳnh môn, xúc chạm phạm Thâu-lan-giá. Nam, tưởng là nam, nghi là nam, nam tưởng là huỳnh môn, xúc chạm, phạm Đột-kiết-la. Nam, tưởng là nữ, tưởng nam vô căn, tưởng nam hai căn, xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá. Huỳnh môn cũng như vậy. Vô căn, tưởng là vô căn, nghi vô căn. Vô căn, tưởng nhị căn, vô căn, tưởng là nữ, xúc chạm, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Vô căn tưởng là nam, vô căn tưởng là huỳnh môn, xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá. Hai căn cũng như vậy. Tỳ-kheo cùng với nữ

không có y phục xúc chạm nhau, phạm Tăng già ba thi xa, cùng người nữ có y phục xúc chạm nhau, phạm Thâu-lan-giá. Người nữ nắm Tỳ-kheo không có y, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nắm Tỳ-kheo có y, phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo cùng người nữ, cả hai đều có y nắm nhau, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo nắm y của người nữ, người nữ bỏ y cho Tỳ-kheo, phạm Thâu-lan-giá. Người nữ nắm y Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không bỏ y cho người nữ, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo xúc chạm người chết là nữ, không phải người nữ, phạm Thâu-lan-giá, nắm súc sinh cái phạm Đột-kiết-la, Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Trưởng lão Ưu-đà-di bị lửa dục thiêu đốt nảy sinh ý nghĩ, cố ý xuất bất tịnh, xúc chạm thân người nữ, Đức Thế Tôn đã ngăn cấm, nay ta nên tạo điều kiện khác, hướng đến người nữ nói lời thô tục để tìm sự vui trong dục lạc. Với ý nghĩ ấy, Ưu-đà-di liền lau quét phòng rồi ngồi nơi chỗ đất trống. Người nữ đến viếng cảnh, dẫn vào phòng đóng cửa, như trước đã nói. Ưu-đà-di bèn ở trong phòng, cùng người nữ nói những lời thô tục, bằng cách hỏi sòng: Tay chân, bắp chân, cổ tay, eo lưng, bụng, cổ, vú, đầu, mặt, móng tay, tóc, đường đại tiểu tiện của cô giống như cái gì? Lại nói: Đây cô em, tay chân, cho đến đường đại tiểu tiện của cô em chỗ nào cũng xấu xí! Lại nói: Đây cô em, tay chân, cho đến đường đại tiểu tiện của cô em chỗ nào cũng tốt đẹp! Lại hỏi: Khi chồng cô gần gũi cô, lại vỗ về cô ra sao? Nếu theo ý của tôi, tôi sẽ cho cô châu báu. Nếu cô cần gì, cho tôi được biết. Tất cả thiên thần đều chứng giám cho lòng tôi. Các người nữ nghe qua, người vui thích, kẻ không thích có phản ứng như trước đã nói. Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được, bằng mọi cách quở trách, và đem vấn đề này bạch Phật. Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ưu-đà-di:

- Thật sự thấy có như vậy không?

Ưu-đà-di thưa:

- Bạch Thế Tôn, có như vậy.

Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Do mười điều lợi nên Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***“Nếu Tỳ-kheo lòng dục thô thúc làm biến dạng tâm, hướng đến người nữ nói những lời thô tục, tùy theo vấn đề dâm dục, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”***.

Trường hợp phạm: Chê khen, cầu xin, hỏi, hỏi lại, chỉ dẫn. Tỳ-kheo có năm sự việc cùng người nữ nói lời thô tục, người nữ, tưởng người nữ, người sống theo cách nữ, người tâm nhiệm nữ, do tình thân cận, từ chê khen cho đến chỉ dẫn, người kia hiểu rõ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không hiểu rõ phạm Thâu-lan-giá.

Chê: Chê bai ba chỗ của người nữ, hoặc nhỏ, hoặc lớn, hình sắc xấu xí. Khen: Ngợi khen ba chỗ của người nữ, không nhỏ, không lớn, hình sắc tốt đẹp. Xin: Đến người nữ xin ba chỗ, nếu có thể cho tôi, tôi có thể làm theo ý của cô. Nguyện: Muốn được ba chỗ của cô, được ba chỗ của cô là người phước lạc. Hỏi: Như hỏi chồng cô trong ba chỗ, hành dục chỗ nào? Làm gì khi nào? Hỏi lại: Như hỏi chồng cô đối với ba chỗ, không làm như vậy hay sao? Chỉ dẫn: Như dạy: Cô đem ba chỗ đáp ứng theo ý người nam thì được người nam luyện ái. Người nữ, tưởng là người nữ, cho đến hai căn, tưởng là hai căn, đều như trên đã đề cập. Lại có năm thứ: Sai sử, viết thư, ra dấu, cử động tay, nói lời tương tự. Người kia hiểu rõ, phạm Thâu-lan-giá, hiểu không rõ, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo đối diện cùng người nữ nói lời thô tục, người nữ hiểu, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không hiểu phạm Thâu-lan-giá. Hưởng đến phi nhân nữ nói lời thô tục, phạm Thâu-lan-giá, hưởng đến súc sinh cái nói lời thô tục phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ ba.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Trưởng lão Ưu-đà-di bị lửa dục thiêu đốt, nảy sinh ý nghĩ: Cố ý làm xuất bất tịnh, xúc chạm thân người nữ, hưởng đến người nữ nói lời thô tục, Đức Phật đều đã chế cấm, nay ta nên hưởng đến người nữ tự khen ngợi việc hiến dâng thân xác, nhằm tìm lấy thú vui thỏa thích. Ưu-đà-di lại lau quét phòng, làm mọi việc như trên. Rồi ở trong phòng nói với người nữ: Đây cô em! Cô em cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến các vị nhập thiên định, được bốn đạo quả, không bằng đem sự dâm dục cúng dường người trì giới. Các người nữ nghe qua, có người vui thích, có người không thích... cho đến câu: Đức Phật bằng mọi cách quở trách, như trên đã nói. Quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Do mười điều lợi nên Ta vì các Tỳ-kheo kết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***“Nếu Tỳ-kheo lòng dục thôi thúc làm biến dạng tâm, hưởng đến người nữ tự khen việc đem thân cúng dường, nói: Cô em đem việc dâm dục cúng dường là sự cúng dường***

hạng nhất, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”.

Nếu bằng nhiều cách nói để khen việc đem thân cúng dường dâm dục thì mỗi lời nói đều phạm Đột-kiết-la. Nếu nói: Không bằng đem dâm dục để cúng dường thì mỗi lời nói đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói: Cúng dường bằng dâm dục là sự cúng dường bậc nhất thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Dùng năm việc tự khen cúng dường thân, người nữ, tưởng là người nữ, người nữ sống theo kiểu nữ, người tâm nhiệm nữ, dùng tình gần gũi, nói: Cúng dường dâm dục là sự cúng dường bậc nhất, người kia hiểu rõ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không hiểu rõ phạm Thâu-lan-giá. Người nữ, tưởng người nữ, cho đến hai căn, tưởng là hai căn, sai người cho đến nói tương tự, đối diện cùng người nữ nói, hướng đến phi nhân nữ, súc sinh cái đều như trước đã nói. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ tư.

- Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy có Trưởng giả tên là Ca-lưu, thông minh lợi căn, khéo đoạn nghi hoặc cho người. Trong thành Xá- vệ, hễ có sự việc gì, đến cả việc hôn nhân không ai là không đến hỏi ý kiến. Ca-lưu nói được, họ mới làm, nói không được thì họ không làm. Kết quả tốt thì họ nói: “Nhờ Ca-lưu nên họ mới được thế này, nên làm thế nào để Ca-lưu cũng được vui như ta”. Nếu kết quả xấu thì họ cũng nói: “Do Ca-lưu nên ta mới ra nông nỗi thế này, làm sao cho Ca-lưu cũng chịu nỗi khổ như ta”. Như vậy tiếng khen, tiếng chê đối với Ca-lưu khắp đầy cả nước. Thời gian sau, do lòng tin, Ca-lưu xuất gia học đạo, những người cần hỏi ý kiến, theo ngày tháng càng đông hơn, thậm chí Vua Ba-tư-nặc cũng đích thân đến hỏi việc nước. Điều hoan hỷ, sự phần nộ vang lừng gấp bội so với trước.

Khi ấy có một quả phụ, đưa con gái của bà ta sắc đẹp nhất xứ, nhiều người đến cầu hôn, bà đều không nhận lời. Bà ta nói: Nếu người nào muốn cưới con gái của bà thì phải ở rể luôn thì bà mới gả cho.

Bấy giờ, một người Bà-la-môn giàu có, tiền của không sao kể xiết được, nói với bà quả phụ: Cho con trai tôi cưới con gái của bà thì sẽ có sự sống an lạc.

Bà quả phụ vẫn trả lời như lúc trước.

Bị từ chối, người Bà-la-môn bèn dò la trong quần chúng để biết ai là người thường tới lui nhà bà quả phụ ấy.

Có người cho biết: Sa-môn Ca-lưu là người thường đến nhà

ấy.

Người Bà-la-môn liền mời Ca-lưu tới nhà mình để cúng dường thường xuyên. Đã trở thành chỗ thân giao, người Bà-la-môn đem sự việc thưa: Tôi muốn cưới con gái của bà... làm vợ cho con tôi, nhờ Đại đức vì tôi nói giúp lời.

Ca-lưu liền mặc y bưng bát đến nhà quả phụ. Bà quả phụ liền ra lễ bái hỏi chào. Ca-lưu nói: Cô có thể gả con gái của cô cho con ông _? Gia đình ông ấy giàu có, chắc chắn con cô được an lạc. Bà quả phụ vẫn trả lời như trước.

Ca-lưu lại nói: Nếu không gả đứa con gái này, khi lớn lên bị lỡ thì nó không nghe lời bà nữa đâu. Tại sao lại để mất đứa con gái, lại mất một người rể tốt!

Bà quả phụ nghe nói như vậy liền đồng ý. Ca-lưu trở lại nhà trai với lời báo tốt đẹp. Cuộc hôn nhân thành tựu. Sau khi về nhà chồng, chịu nhiều điều cực khổ, cô ta liền viết thư nhờ mẹ nói với nhà chồng cầu xin chút thông thả.

Bà mẹ bảo cô ta: Việc này phải cần Ca-lưu đến nói.

Hôm sau Ca-lưu tới nhà bà quả phụ, bà nói hết những điều khổ cực của con mình, và thưa: Do Đại đức mà có cuộc hôn nhân này, Đại đức vì tôi đến nói giúp.

Ca-lưu trả lời: Con của bà vô phúc mới gặp cảnh khổ này, nếu có phúc thì cơ sự đâu đến nỗi như vậy. Pháp của Sa-môn, không cho tôi biết đến sự việc ấy của người thế tục.

Bà quả phụ liền mắng: Trước kia biết việc của người, nay lại nói không biết, người ác như thế thì cuối cùng sẽ không ra chi. Bà ta tru tréo đủ cách, ngôn từ hết sức cay nghiệt mắng nhiếc Ca-lưu.

Người hàng xóm nghe đều đến can, nói: Con của bà bạc phước nên mới chịu khổ như vậy, chứ can chi đến Sa-môn này mà mắng nhiếc ông ta thậm tệ như thế?

Bà quả phụ nói: Các người đâu có biết gì, do Sa-môn này xuôi tôi gả con nên con bé nhà tôi mới chịu khổ cực như vậy.

Lúc này, những người thiếu lòng tin đối với Phật pháp đều buông lời mỉa mai: Bà tin Sa-môn nên con bà chịu khổ là đáng đời! Nếu ai còn tin lời họ thì cứ coi đó mà tin!

Mọi người lại mắng nhiếc: Chúng ta là Cư sĩ, sự thường làm mai mối, Sa-môn Thích tử cũng làm như vậy. Việc làm thường tình này khiến họ và ta có khác gì đâu, khác chăng là cái đầu trọc và chiếc áo hoại sắc!

Tiếng xấu ấy đồn vang khắp cả gần xa, các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được liền bằng mọi cách quở trách, rồi cùng nhau đến chỗ Đức Phật, trình bày lên Ngài việc đã xảy ra. Nhân

việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ca-lưu:

- Thật sự ông có như vậy không?

Ca-lưu thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Do mười điều lợi nên Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: **“Nếu Tỳ-kheo nào làm mai mối, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”**.

Bấy giờ, các nhà hào phú nơi thành Xá-vệ muốn làm việc tư thông với các đồng nữ đã lớn tuổi trong thành, nhưng họ tự xấu hổ không dám nói lên ý muốn của mình, lại không nhờ được ai, bèn nói với nhóm Lục quần Tỳ-kheo: Thầy có thể vì tôi nói điều đó, cần chi tôi sẽ lo liệu. Một ngày một đêm cho đến một lần gặp nhau là bao nhiêu? Lục quần Tỳ-kheo liền đến chỗ các người nữ, nói rõ ràng vấn đề trên. Những người thấy biết việc làm ấy đều cùng nhau đồn đại: Sa-môn Thích tử tịnh tu phạm hạnh, tại sao nay lại làm nghiệp ác này. Chỗ nhục nhã là câu kết, hợp tác với đám tà dâm, không phải là Cư sĩ. Các Sa-môn này chẳng còn chút hổ thẹn nào cả!

Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi cùng đưa đến chỗ Phật, trình bày lên Ngài sự việc. Đức Phật nhân việc này tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo Lục quần:

- Sự thật các ông có như vậy không?

Lục quần Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay giới này được nói như sau: **“Nếu Tỳ-kheo làm việc mai mối, hay làm việc tư thông, đem ý người nam đến nói với người nữ, đem ý người nữ đến nói với người nam, cho đến một lần gặp gỡ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”**.

Có mười hạng nam, mười hạng nữ. Mười hạng nữ: Cha mẹ bảo hộ, anh chị bảo hộ, bà con bảo hộ, tự bảo hộ, pháp bảo hộ, tự ý mình nhận y vật, cùng thê, có chủ và tác tín. Cha mẹ bảo hộ: Là người nữ có cha mẹ, cha mẹ có quyền cưới gả, có quyền định đoạt. Anh chị, bà con cũng như vậy. Tự bảo hộ: Tự mình được tự tại, tự mình ưng hay không ưng ai, tự mình quyết định. Pháp bảo hộ: Là chánh pháp, xuất gia tu hành phạm hạnh. Tự ý mình: Tự theo sở thích của mình. Y vật: Là nhận y vật của người khác. Cùng thê: Cùng người hứa hẹn. Có chủ: Người nữ có chồng. Tác tín: Nhận bưu thiếp của người, đưa đến sự hứa hẹn một ngày một

tháng, cho đến một lần gặp gỡ. Mười hạng nam cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo nhận lời của người nam có cha mẹ bảo hộ, phạm Đột-kiết-la. Nói với người nữ có cha mẹ bảo hộ, cho đến người nữ tác tín, phạm Thâu-lan-giá. Họ không chấp thuận, trở lại báo, phạm Thâu-lan-giá. Họ hứa gả trở lại báo, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo nhận lời nói của người nam có cha mẹ bảo hộ, nói với người nữ có cha mẹ bảo hộ, người nữ nói: Có thể nói với cha mẹ tôi. Tỳ-kheo đem lời nói này trở lại trả lời, phạm Thâu-lan-giá. Người nam có cha mẹ bảo hộ lại khiến Tỳ-kheo nói với cha mẹ người nữ kia, nhận lời nói này, phạm Đột-kiết-la. Nói với cha mẹ người nữ kia, cho đến không chấp thuận, trở lại trả lời, phạm Thâu-lan-giá, hứa thuận trở lại trả lời, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nhận lời nói của người nam có cha mẹ bảo hộ, nói với người nữ có anh chị, bà con bảo hộ cũng như vậy. Cho đến nhận lời nói của người nam tác tín, nói với người nữ có cha mẹ bảo hộ, cho đến nói với người nữ tác tín, cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo nhận lời nói của người nữ có cha mẹ bảo hộ, cho đến người nữ tác tín, nói với người nam có cha mẹ bảo hộ, cho đến nói với người nam tác tín, cũng lại như vậy.

Có sáu cách nói: Tự mình nói, sai người nói, viết thư nói, sai người này sai người khác nói, nói lời tương tự, ra dấu. Nếu Tỳ-kheo tự mình nhận lời, tự mình nói với người kia, tự mình trở lại trả lời, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo tự mình nhận lời, sai người đến nói người kia, sai người trở lại trả lời, đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tự mình nhận lời, cho đến ra dấu nói với người kia, ra dấu trở lại trả lời, cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo nhận lời nói bằng cách ra dấu, cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo vì người bên nam hay người bên nữ, làm việc mai mối, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Vì người nam tiến hành việc mai mối với bên phi nhân nữ, phạm Thâu-lan-giá. Vì người nam, làm việc mai mối, với bên súc sinh cái, phạm Đột-kiết-la. Vì người nữ cũng như vậy. Vì phi nhân nam làm mai mối với bên người nữ phạm Thâu-lan-giá. Vì súc sinh đực làm mai mối với bên người nữ, phạm Đột-kiết-la. Vì người nữ làm mai mối với bên huỳnh môn, phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo vì người nam mượn người nữ, vì người nữ mượn người nam, để sai khiến lâu dài, phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Không phạm: Vì hòa hợp.

Xong giới thứ năm.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, các Tỳ-kheo ở ấp A-

đồ-bệ, tự xin vật liệu để làm phòng xá, đến các Cư sĩ xin xe cộ, trị giá bằng xe cộ, xin nhân công, trị giá bằng nhân công, gõ cây tre trúc thứ gì cũng xin. Cư sĩ chán ngấy, thấy Tỳ-kheo là tránh xa. Các Tỳ-kheo xin không được thứ gì nữa cả, bèn tự mình chặt cây phát cỏ, đào đất làm vật liệu. Có một Đại đức Tỳ-kheo tự mình chặt cây của vị thần, trong khi đứa con nhỏ của vị thần đang vui chơi nơi cây, bị chặt đứt một ngón tay. Thần cây đau khổ vô cùng, ý ác nổi dậy muốn đến đánh Tỳ-kheo, song liền nghĩ lại: Vị này có oai đức lớn, nếu ta đánh lỡ tay bị chết, chắc chắn phải nhận lấy tãm tối triền miên của bao điều khổ não. Vị thần lại nghĩ: Hiện nay Đức Thế Tôn ở tại thành này, ta nên đến trình bày việc này, Đức Phật dạy sao thì ta phụng hành thế ấy. Vị thần liền đến Kỳ-hoàn trình bày đầy đủ vấn đề lên Đức Phật. Ngay lúc ấy, Đức Phật tán thán vị thọ thần:

- Hay thay! Hay thay! Ông có được niệm thiện như thế! Hiện nay Tỳ-kheo này thật có oai đức, nếu đánh, ắt phải thọ khổ báo.

Đức Phật lại bảo vị Thọ thần:

- Nơi vùng ấy có một cây rất lớn chưa thuộc về của ai, ông có thể đến đó nương tựa.

Nhận lời chỉ giáo vị Thọ thần ra đi. Với sự việc như vậy, trên đường du hành, Đức Phật chậm rãi về ấp A-đồ-bệ.

Trưởng lão Đại Ca-diếp, sáng sớm đắp y bưng bát vào thành khát thực. Vì chuyện trên, các Cư sĩ trông thấy đều lánh mặt. Trưởng lão lấy làm lạ, hỏi người đi đường, họ nói: Các Tỳ-kheo ở đây xin vật liệu để làm phòng xá không biết thế nào là chán, người trong ấp lo nghĩ khổ tâm lắm nên thấy Tôn giả họ tránh là vậy. Tôn giả Đại Ca-diếp sau khi thọ thực trở về lại chỗ Đức Phật, trình bày sự việc lên Ngài. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

- Sự thật các thầy có như vậy không?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sự thật có như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách và nói:

- Các thầy nên tu hạnh ít ham muốn, biết vừa đủ, không nên có nhiều sự cầu xin không biết nhàm chán như vậy.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

- Vào đời quá khứ có một Tiên nhân ở trong hang đá bên bờ sông Hằng. Bấy giờ, Long vương hằng ngày từ nước xuất hiện, nhiễu quanh vị Tiên nhân bảy vòng, đưa đầu lên xuống để nêu bày sự cung kính. Sau đó, vị Tiên nhân du hành trong nhân gian, người đệ tử trông coi cái hang, con rồng cũng như trước kia, hằng ngày đến tỏ vẻ cung kính,

nhưng người đệ tử quá hoảng sợ đâm ra suy nhược gây đi trầm trọng. Thời ấy, Ta đang hành đạo Bồ-tát, du hóa bên bờ sông Hằng chứng kiến sự việc này, liền hỏi lý do, được người học trò của Tiên nhân thổ lộ sự thật. Ta lại hỏi: Nay ông không muốn thấy con rồng ấy nữa phải không? Người đệ tử trả lời: Đúng như vậy. Ta hỏi: Ông thấy dưới cổ con rồng có những vật gì hay không? Người đệ tử nói: Có hạt ngọc Ma-ni. Ta bảo: Khi con rồng tới, ông chấp tay hướng đến nó, nói lên ý muốn này: Nay ta cần hạt ngọc Ma-ni ở dưới cổ của người, xin người cho ta. Người đệ tử của Tiên nhân ghi nhận lời chỉ vẽ của Ta nên ngay khi con rồng từ dưới nước xuất hiện, liền ngỏ lời xin hạt minh châu. Con rồng nghe xin hạt minh châu liền đứng sững cả người, lặng thinh. Người đệ tử Tiên nhân lại vì Long vương nói kệ:

*Long vương nay cần người Cho hạt
châu dưới cổ Lòng ta rất ưa thích!
Cớ sao lặng cả người?*

Rồng liền dùng kệ đáp:

*Tất cả gì ta cần
Đều được từ ngọc châu Nay ông theo
câu xin Vĩnh viễn ta không đến. Như tiếng
lửa vỡ bùng Khiến lòng người khiếp sợ
Nay ta nghe ông nói Hoảng hốt sợ nhiều
hơn.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dẫn tích xưa, nói kệ:

*Người xin không ai ưa Xin mãi bị
oán ghét
Long vương nghe tiếng xin Một đi
không trở lại.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Long vương thọ nghiệp báo tự nhiên, hãy còn không hoan hỷ nghe tiếng cầu xin. Nay các Cư sĩ làm ăn vất vả khổ nhọc mới có được của tiền, tại sao các ông không biết điều đó, lại cứ luôn luôn cầu xin.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa kia, một thời Ta ở tại thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo an cư xong, đến chỗ Ta, nhân đó Ta hỏi: Thầy an cư ở đâu? An cư có được an ổn không? Khất thực có dễ được không? Đi đường có nhọc mệt không?

Tỳ-kheo kia trả lời: Con an cư tại khu rừng nơi sườn núi Tuyết, an cư được an ổn, khất thực dễ được, trên đường đi không nhọc mệt, duy chỉ có một điều đáng lo là các con chim ban đêm ồn ào, nên không chuyên niệm được trong khi tọa thiền tư duy. Ta hỏi Tỳ-kheo ấy: Nay thầy còn muốn vui với khu rừng đó nữa không? Tỳ-kheo ấy thưa: Bạch Thế Tôn! Con rất thích. Ta nói: Thầy về lại nơi đó lúc xẩm tối, muôn chim bay về, thầy chấp tay hướng đến nó nói: Nay ta cần những cánh lông của các người, các người có thể cho ta. Giữa đêm, sau đêm cũng nói như vậy. Tỳ-kheo kia làm y theo lời Ta bảo. Các con chim suốt đêm bàn nói: Nay Tỳ-kheo này xin ta điều đó, chúng ta có nên cho hay không? Chúng nó đều nói: Không thể cho được, rồi bay đi luôn, không trở lại.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Loài chim còn không ưa nghe tiếng cầu xin, huống chi là người. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Thuở đời quá khứ có quốc vương tên là Ca-di, ưa làm việc bố thí, cung cấp cho người nghèo khổ. Khi ấy, có vị Phạm chí, được nhà Vua rất ái trọng, nhưng chưa bao giờ đến nhà Vua cầu xin thứ gì. Bấy giờ, nhà Vua nói kệ:

*Phương xa, người đều đến Khấp nơi
tới ta xin
Nay sao ông tại chỗ Không xin,
có ý gì?*

Phạm chí lại dùng kệ trả lời:

*Người xin không ai thích Không cho
gây oán hờn Thế nên im, không xin Sợ là
mất tình thân*

Nhà Vua lại nói kệ:

*Người trí đâu ghét xin Lắng nghe
rõ tiếng cầu Huống ông, tình thân ái
Bao dung sẽ sẵn lòng. Cam nghèo thẹn
cầu xin
Chỗ đáng nhận không nhận Mất người
rộng lòng phước Lại tự khổ lấy mình.
An bản cầu không thẹn Nhận nơi
chỗ đáng nhận*

*Vun xới thiện cho người Cho tự
thân an lạc.
Điều xin tròn đức hạnh Cũng không lỗi
miệng, thân San sẻ giữa có không
Cớ sao lại chối từ!*

Phạm chí lại dùng kệ trả lời:

*Người hiền không nói xin Nói xin
chẳng phải hiền Im lặng không cầu xin
Đại nhân ấy người hiền.*

Nhà Vua nghe kệ nói về Hiền nhân, tâm rất hoan hỷ, liền đem một con bò chúa và một ngàn con bò khác để biếu tặng Hiền nhân Phạm chí.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Mỗi quan hệ giữa nhà Vua với Phạm chí tuy rất thân tình, song còn khó xảy ra sự cầu nhiều như thế, huống chi là các cư sĩ, đối với các thầy không có sự ái kính mà cầu xin nhiều sao?

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa kia có một người con thuộc nhà danh giá, tên là La-tra-ba-la, cha mẹ rất yêu quý, nhưng từ khi xuất gia không hề xin cha mẹ thứ gì. Ngạc nhiên, cha mẹ bằng lời kệ hỏi con:

*Xa xôi người tìm tới Khấp nơi
đến ta xin Con là con yêu quý Không
xin có ý gì?*

La-tra-ba-la cũng dùng kệ trả lời:

*Người xin không ai ưa Đã không
cho lại ghét Con đã xuất ra rồi Không
nên cầu xin nữa.*

- Nay các Tỳ-kheo! La-tra-ba-la được cha mẹ yêu quý, còn lấy cớ xuất gia không trở về cầu xin, huống chi là các Cư sĩ, đối với các thầy đâu có thân hậu gì mà lại xin

nhiều như thế?

Đức Phật bằng mọi hình thức, quở trách như vậy rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Do mười điều lợi, nên Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: “Tỳ-kheo nào tự mình xin vật liệu làm nhà,

không có thí chủ, phải làm đúng lượng, bề dài mười hai gang tay Phật, bề rộng bảy gang tay Phật, nên mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ. Các Tỳ-kheo phải chỉ chỗ không có trở ngại, chỗ có đường đi. Nếu không mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ, hoặc làm quá lượng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa”.

Tự mình xin: Tỳ-kheo vì mình đến người khác xin.

Phòng: Là nơi có thể đi, đứng, ngồi, nằm, sinh hoạt theo bốn oai nghi.

Không có thí chủ: Không có người dâng cúng.

Vì mình: Vì chính mình chứ không vì người khác, cũng không vì Tăng.

Mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ: Tức là mời các Tỳ-kheo biết pháp, trì luật đến chỉ chỗ cho mình.

Các Tỳ-kheo nên chỉ chỗ không có trở ngại, chỗ có đường đi: Chỗ trở ngại là chỗ ngã tư đường, nhiều người tụ họp, vui đùa, chỗ dâm nữ, chỗ chợ búa, chỗ thả trâu, chỗ sư tử, hổ lang, thú dữ, bên bờ sông nước xói, chỗ có đại thọ được thờ cúng, chỗ có ruộng vườn tốt, chỗ có phân mộ, chỗ quá gần hay quá xa thôn xóm, chỗ có đường đi hiểm trở. Như vậy gọi là chỗ trở ngại. Không có các nạn trên đây thì gọi là chỗ không có trở ngại.

Chỗ có đường đi: Là chỗ xung quanh có đường xe đi được. Như vậy gọi là chỗ có đường đi. Nếu chỗ có các trở ngại như trên đó là chỗ không có đường đi. Các Tỳ-kheo chỉ chỗ phải nói với các Tỳ-kheo kia: Thầy đừng nên xây cất ở chỗ này. Nếu chỗ không có các trở ngại như trên, chỗ có đường đi quanh thì các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo kia: Thầy nên chọn xây cất nơi chỗ này. Tỳ-kheo đương sự phải đến chỗ Tăng cầu xin chỉ chỗ xây cất. Tỳ-kheo để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối, chấp tay tác bạch trước Tăng như sau:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là _tự xin vật liệu làm phòng cho mình, không có thí chủ, nay đến xin Tăng chỉ chỗ, cúi xin Tăng hiện tiền chỉ chỗ cho tôi”. Xin Ba lần như vậy. Tăng nên sai một vị tác bạch:

Đại đức Tăng, xin lắng nghe, Tỳ-kheo này tên là _tự xin vật liệu làm phòng cho mình, không có thí chủ, nay đến xin Tăng chỉ chỗ. Nay Tăng vì Tỳ-kheo tên là _chỉ chỗ không có trở ngại, chỗ có đường đi. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là tác bạch.

Đại đức Tăng, xin lắng nghe, Tỳ-kheo này tên là _tự xin vật liệu làm phòng cho mình, không có thí chủ, nay đến xin Tăng chỉ chỗ. Nay Tăng vì Tỳ-kheo tên là _chỉ chỗ không có trở ngại, chỗ có đường đi. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, ai không đồng ý xin nói.

Tăng đã vì Tỳ-kheo tên là _chỉ chỗ không trở ngại, chỗ có đường đi rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy phải thi hành đúng như vậy.

Nếu Tăng chỉ chỗ có trở ngại, chỗ không có đường đi, thì Tăng phạm Đột-kiết-la. Nếu cất ở chỗ trở ngại này thì cũng như vậy. Không mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ, thì từ khi nghĩ ra việc xây cất rồi hình thành chỗ đất đến

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

xem đất sơ qua đều phạm Đột-kiết-la. Làm đất kỹ lưỡng phần nền, phạm Thâu-lan-giá. Cát xong, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Làm bằng tạp kim, ngân, châu báu và làm thành bằng ngói gạch, cho đến làm trong đất của Tăng, đều phạm Thâu-lan-giá, Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ sáu

